

Số/No: 202673 /TB-FUEIP100

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner

/ *IPA Partner Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/*Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/*ETF name*: Quỹ ETF IPA PARTNER VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/*Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*:

06/07/2026

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,372,525,000	95,84%
1	ACB	2,500	3,95%
2	BID	200	0,59%
3	BSR	200	0,34%
4	CII	300	0,36%
5	CTG	600	1,43%
6	DBC	100	0,13%
7	DCM	100	0,25%
8	DGW	100	0,28%
9	DIG	400	0,34%
10	DPM	100	0,16%
11	DXG	500	0,42%
12	EIB	700	1,01%
13	EVF	400	0,37%
14	FPT	700	3,53%
15	FRT	100	0,84%
16	GAS	100	0,53%
17	GEE	100	0,62%
18	GEX	300	0,64%
19	GMD	200	1,07%
20	GVR	100	0,23%
21	HAG	300	0,31%



22	HCM	300	0.60%
23	HDB	2,000	3.76%
24	HDG	100	0.14%
25	HHV	200	0.16%
26	HPG	2,100	3.41%
27	HSG	200	0.16%
28	KBC	300	0.61%
29	KDH	400	0.59%
30	LPB	1,400	4.99%
31	MBB	2,000	3.58%
32	MSB	1,100	1.23%
33	MSN	500	2.51%
34	MWG	600	3.31%
35	NAB	800	0.73%
36	NKG	200	0.17%
37	NLG	200	0.36%
38	NVL	700	0.60%
39	OCB	500	0.40%
40	PCI	100	0.15%
41	PDR	300	0.30%
42	PLX	100	0.26%
43	PNJ	200	0.82%
44	POW	300	0.31%
45	PVD	100	0.23%
46	PVT	100	0.14%
47	REE	100	0.34%
48	SAB	100	0.33%
49	SHB	1,900	1.81%
50	SSB	800	0.92%
51	SSI	900	1.72%
52	STB	900	4.52%
53	TCB	2,000	4.69%
54	TCH	300	0.30%
55	TPB	800	0.92%
56	VCB	500	2.16%
57	VCG	200	0.29%
58	VCI	400	0.70%
59	VHM	700	7.41%
60	VIB	1,100	1.26%
61	VIC	700	10.77%
62	VIX	1,300	1.55%
63	VJC	100	0.99%
64	VND	600	0.77%

03
ÔN
TN
LÝ C
PA
PH

65	VNM	400	1.53%
66	VPB	2,200	4.27%
67	VPL	100	0.60%
68	VRE	400	0.79%
69	VSC	200	0.26%
II.	Tiền/Cash (VND)	59,526,034	4.16%
III.	Tổng/Total	1,432,051,034	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	1,372,525,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	1,432,051,034
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	59,526,034

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	22,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	42,250	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	72,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	76,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	25,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	78,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	58,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	48,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	33,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	27,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	18,400	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)

